

UBND TỈNH HÀ TĨNH
SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ
PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: /SNN-KHTC

Hà Tĩnh, ngày tháng 3 năm 2023

V/v cung cấp thông tin, số liệu phục vụ xây dựng Báo cáo Hiện trạng môi trường Quốc gia năm 2023

Kính gửi: Sở Tài nguyên và Môi trường

Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn nhận được Văn bản số 971/STNMT-MT ngày 17/3/2023 của Sở Tài nguyên và Môi trường về việc cung cấp thông tin, số liệu phục vụ xây dựng Báo cáo Hiện trạng môi trường Quốc gia năm 2023; sau khi giao các Chi cục rà soát, cáo cáo, theo chức năng, nhiệm vụ, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổng hợp, cung cấp các thông tin liên quan (Có phụ lục chi tiết kèm theo).

Đề nghị Sở Tài nguyên và Môi trường xem xét, tổng hợp./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Giám đốc Sở;
- Phòng KH-TC;
- Lưu VT.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Nguyễn Tuấn Thanh

PHỤ LỤC

THÔNG TIN, SỐ LIỆU PHỤC VỤ XÂY DỰNG BÁO CÁO HIỆN TRẠNG MÔI TRƯỜNG QUỐC GIA NĂM 2023

(Kèm theo Văn bản số: /SNN-KHTC ngày /3/2023 của Sở NN&PTNT)

I. TỔNG QUAN VỀ PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP ĐẾN NĂM 2023:

1.1. Trồng trọt và bảo vệ thực vật:

- Kết quả đạt được: Hàng vụ sản xuất, Sở Nông nghiệp và PTNT đã ban hành đề án sản xuất, trong đó có nội dung chỉ đạo định hướng để bảo vệ môi trường trong quá trình sản xuất trồng trọt như: Sử dụng phân bón cân đối, hợp lý; không đốt rơm rạ sau thu hoạch; ứng dụng các tiến bộ kỹ thuật trong sản xuất như IPM, ICM, 3 giảm - 3 tăng, tưới nước tiết kiệm...; chuyển đổi cơ cấu cây trồng phù hợp; tăng cường sử dụng phân hữu cơ hoai mục;....

- Triển khai hướng dẫn các tổ chức, cá nhân và người dân hoạt động sản xuất nông nghiệp sử dụng hoá chất hợp lý trên đồng ruộng theo nguyên tắc “4 đúng”; thu gom và xử lý bao bì của hoá chất bảo vệ thực vật (BVTV) đúng quy định; kiểm soát việc sử dụng các chế phẩm hóa học, phân bón và thuốc BVTV có hàm lượng hóa chất cao khó phân hủy, trong trồng trọt, khuyến khích sử dụng các sản phẩm thay thế thân thiện với môi trường.

- Tồn tại, khó khăn: Công tác tuyên truyền, giáo dục về bảo vệ môi trường còn hạn chế, chưa phát huy được ý thức tự giác, trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân, cộng đồng trong việc tham gia gìn giữ và bảo vệ môi trường. Nhận thức, trách nhiệm về bảo vệ môi trường của một số tổ chức, cá nhân còn hạn chế, chỉ chú trọng lợi ích kinh tế trước mắt, coi nhẹ công tác bảo vệ môi trường.

1.2. Chăn nuôi và Thú y:

- Trong thời gian qua ngành chăn nuôi đóng vai trò quan trọng trong phát triển kinh tế nông thôn; năm 2022 tỷ trọng chăn nuôi trong nông nghiệp chiếm trên 53%, GTSX chăn nuôi đạt hơn 10.772 tỷ đồng. Tổng sản lượng thịt hơi xuất chuồng đạt 107.158 tấn; sản lượng trứng 354 triệu quả; sản lượng nhung hươu 18 tấn. Tổng đàn: Bò 167.815 con; Trâu 67.986 con; Lợn 396.096 con; gia cầm 9.953 ngàn con bằng; Hươu 40.067 con.

- Xu hướng phát triển kinh tế nông thôn (các ngành nghề trọng tâm trong giai đoạn vừa qua và 5 năm tiếp theo): Ngành chăn nuôi Hà Tĩnh giai đoạn vừa qua có những bước phát triển cơ bản theo hướng trang trại công nghiệp, sản xuất hàng hóa, đáp ứng nhu cầu sản phẩm chăn nuôi cho người tiêu dùng trong tỉnh và các tỉnh, thành phố. Chăn nuôi chuyển dịch nhanh từ chăn nuôi nông hộ thiếu chuyên nghiệp sang chăn nuôi trang trại tập trung quy mô lớn và vừa, chăn nuôi liên kết đảm bảo an toàn dịch bệnh, an toàn thực phẩm, bảo vệ môi trường. Đến nay, toàn tỉnh có 239 trang trại chăn nuôi quy mô lớn và vừa, trong đó 221 trang trại chăn nuôi lợn; 03 trang trại chăn nuôi bò; 15 trang trại chăn nuôi gà. Chăn nuôi lợn trang trại chiếm trên 60% tổng đàn lợn; chăn nuôi bò, gia cầm chủ yếu quy mô nông hộ.

- Các vấn đề bất cập, tồn tại trong công tác quản lý môi trường nông thôn:

+ Trên địa bàn, chăn nuôi nông hộ vẫn chiếm tỷ lệ tương đối lớn (chăn nuôi lợn gần 40%, trâu bò trên 85%, gia cầm trên 80%), quy mô nuôi không ổn định, phần lớn người dân sử dụng chất thải chăn nuôi để làm phân bón cho cây trồng nên công tác xử lý và quản lý chất thải vật nuôi gặp nhiều khó khăn.

+ Việc xây dựng Bể Biogas khá phức tạp, đòi hỏi chi phí đầu tư lớn (trên 10 triệu đồng/công trình), ý thức của người dân về bảo vệ môi trường chưa cao nên người chăn nuôi chưa mạnh dạn đầu tư. Một số công trình Biogas xây dựng lâu năm nên hệ thống xử lý chất thải chăn nuôi xuống cấp, không được sửa chữa nâng cấp kịp thời nên hoạt động không được hiệu quả, có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường.

+ Hiện nay số lượng hộ chăn nuôi trong nội thành, nội thị và các khu đông dân cư khá nhiều; tuy nhiên việc xây dựng khu vực cấm chăn nuôi để đảm bảo tính khả thi khi triển khai thực hiện gặp nhiều khó khăn do chăn nuôi đang là sinh kế của người dân, trong đó một số đối tượng nuôi như trâu, bò đang được nuôi kiêm dụng vừa để nuôi giết thịt vừa để phục vụ cày kéo.

1.3. Lâm nghiệp:

Công tác phát triển rừng được quan tâm chỉ đạo thực hiện, đẩy mạnh trồng, chăm sóc, khoanh nuôi tái sinh và nâng cao chất lượng rừng trồng; tỷ lệ giống được kiểm soát 90%. Thực hiện Chương trình bảo vệ và phát triển rừng, trọng tâm là Đề án “Trồng 1 tỷ cây xanh giai đoạn 2021 - 2025”. Các biện pháp bảo vệ và phòng cháy, chữa cháy rừng được tăng cường; ngăn chặn và xử lý kịp thời, có hiệu quả các hành vi vi phạm nên rừng được bảo vệ tốt hơn. Chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng phát huy hiệu quả và đóng vai trò quan trọng trong công tác bảo vệ và phát triển rừng.

1.4. Thủy sản:

Tổng sản lượng thủy sản năm 2022 đạt 55.156 tấn, vượt 3,3% so với kế hoạch năm 2022 trong đó: Khai thác thủy sản đạt 38.871 tấn, nuôi trồng thủy sản đạt 16.285 tấn; giá trị sản xuất đạt 2.681 tỷ đồng; cụ thể như sau:

a) Nuôi trồng thủy sản

- Sản lượng nuôi trồng đạt 16.285 tấn, đạt 99,5% so với kế hoạch năm 2022, tăng 3,1% so với cùng kỳ năm 2021; trong đó sản lượng nuôi ngọt đạt 6.862 tấn, sản lượng nuôi mặn lợ đạt 9.423 tấn; giá trị sản xuất đạt 961 tỷ đồng.

- Tổng diện tích thả nuôi đạt 7.490,3 ha, bao gồm: nuôi thủy sản nước ngọt 4.705,8 ha; nuôi thủy sản mặn lợ 2.785 ha (Nuôi tôm đạt 2.239 ha. Trong đó, nuôi thâm canh, công nghệ cao đạt 623 ha; Nuôi các đối tượng khác 546 ha). Tăng thể tích nuôi lồng bè đạt 42.320m³. Sản xuất, ương dưỡng giống đạt trên 581 triệu con (Giống tôm 540 triệu con; cá và đối tượng khác 41 triệu con).

b) Khai thác thủy sản

- Sản lượng khai thác thủy sản đạt 38.871 tấn, vượt 5% so với kế hoạch năm 2022, tăng 1% so với cùng kỳ năm 2021; trong đó: Khai thác biển đạt 34.129 tấn, khai thác nội địa đạt 4.742 tấn; giá trị sản xuất đạt 1.720 tỷ đồng.

- Toàn tỉnh có 2.968 tàu cá, trong đó tàu cá loại nhỏ là chủ yếu (2.349 tàu) tập trung khai thác tại vùng bờ và vùng lộng trong vùng biển Hà Tĩnh. Đến nay, toàn tỉnh có 67 tổ đội khai thác hải sản với 413 tàu cá (mỗi tổ có 5 - 6 tàu); 02 nghiệp đoàn nghề cá với sự tham gia trên 400 tàu cá làm nghề câu, rê vùng khơi, vùng lộng tại vùng biển Vịnh Bắc Bộ; Thành lập 15 Tổ đồng quản nghề cá, trong đó: đã công nhận và giao quyền tham gia bảo vệ nguồn lợi thủy sản được 7 Tổ ĐQL nghề cá ven bờ (khoảng 60% diện tích vùng biển ven bờ đã được giao quyền cho các Tổ ĐQL).

1.5. Làng nghề:

Đến hết năm 2022, toàn tỉnh đã công nhận 12 nghề truyền thống, 06 làng nghề và 08 làng nghề truyền thống; hình thức tổ chức sản xuất ở các làng nghề chủ yếu theo quy mô hộ gia đình, với 2.832 hộ, 24 doanh nghiệp và 8 hợp tác xã; giải quyết việc làm cho 8.466 lao động, trong đó có 6.973 lao động thường xuyên; tổng doanh thu của các làng nghề đạt 973,4 tỷ đồng. Một số làng nghề đã có sản phẩm tham gia vào Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP) cấp tỉnh, có mẫu mã và chất lượng phù hợp với thị hiếu người tiêu dùng, góp phần bảo tồn các giá trị văn hóa truyền thống địa phương. Các hoạt động hỗ trợ phát triển làng nghề, như: Đào tạo, tập huấn, xúc tiến thương mại, xây dựng, tạo lập và quản lý nhãn hiệu sản phẩm... được quan tâm thực hiện, tạo động lực quan trọng phát triển sản xuất, kinh doanh, gia tăng giá trị sản phẩm. Hoạt động sản xuất, kinh doanh của các làng nghề đã góp phần tích cực trong chuyển dịch cơ cấu lao động, cơ cấu kinh tế nông thôn, xây dựng nông thôn mới, tạo việc, nâng cao thu nhập cho lao động nông thôn, góp phần xóa đói giảm nghèo.

II. HIỆN TRẠNG MÔI TRƯỜNG NÔNG THÔN TẠI ĐỊA PHƯƠNG GIAI ĐOẠN 2020 – 2023.

1.1. Trồng trọt và bảo vệ thực vật

- Phân bón: Tổng lượng phân bón sử dụng: Đạm: 36.614.442 kg; Lân: 12.826.940 kg; Kali: 22.627.374 kg ; NPK: 47.117.235 kg.

- Số lượng bao gói thuốc bảo vệ thực vật đã thu gom, xử lý: Năm 2022, tổng lượng bao gói thuốc BVTV thu gom trên toàn tỉnh: 6.920kg (Hương Khê 2.480kg, Cẩm Xuyên 525kg, Kỳ Anh 162kg, Lộc Hà 1.384kg, Đức Thọ 70,8kg, Hương Sơn 420kg, Nghi Xuân 161kg,...).

- Hình thức xử lý: Xử lý đúng quy định: 5.116kg (Kỳ Anh, TX Kỳ Anh, Cẩm Xuyên, Thạch Hà, Lộc Hà, Hương Khê). Xử lý theo hình thức đốt: 1.804kg (TP Hà Tĩnh, Can Lộc, TX Hồng Lĩnh, Nghi Xuân, Đức Thọ, Hương Sơn, Vũ Quang).

1.2. Chăn nuôi và Thú y:

- Nguồn phát thải từ các hoạt động phát triển chăn nuôi: Theo số liệu thống kê công bố năm 2022, các vật nuôi chính: Lợn 396.096 con, Bò 167.815 con; Trâu 67.986 con, gia cầm 9.953 ngàn con bằng; Hươu 40.067 con. Kế hoạch năm 2023, tổng đàn Lợn 405.000 con, Bò 171.000 con; Trâu 70.000 con, gia cầm 10.300 ngàn con bằng; Hươu 40.500 con. Ước tính chất thải rắn từ chăn nuôi khoảng 1,4-1,6 triệu tấn. Ước tính chất thải lỏng từ chăn nuôi khoảng 5-7 triệu m³ nước thải.

- Tình hình đầu tư các công trình Biogas: Đến nay đã xây dựng được hơn 13.600 bể biogas; riêng chăn nuôi lợn đã xây dựng được 13.365 bể biogas, trong đó, chăn nuôi nông hộ có 12.863 bể biogas, chiếm 46% số hộ chăn nuôi.

- Trong quá trình sản xuất, một số cơ sở chăn nuôi gây ô nhiễm môi trường buộc phải di dời hoặc dừng nuôi; chăn nuôi lợn quy mô nhỏ ở các hộ gia đình dễ gây ô nhiễm môi trường và phát sinh dịch bệnh trong các khu dân cư nhất là các xã có mật độ chăn nuôi cao.

1.3. Lâm nghiệp:

- Hà Tĩnh hiện có 314.860 ha diện tích đất có rừng (rừng tự nhiên 217.327 ha, rừng trồng 97.533 ha), độ che phủ đạt 52,56%; diện tích rừng khai thác hàng năm khoảng trên 8.000 ha, sản lượng gỗ khai thác bình quân (giai đoạn 2020-2022) khoảng 491.072 m³/năm, mỗi năm lượng phụ phẩm trong quá trình khai thác gỗ (cành, nhánh nhỏ, ngọn cây...) khoảng hơn 140.300 tấn/năm.

- Mùn cưa: Hiện nay, trên địa bàn tỉnh có khoảng 22 cơ sở chế biến lâm sản tại các khu công nghiệp với quy mô và công suất lớn, với tổng công suất 1.233.560 m³/năm và hàng trăm cơ sở chế biến gỗ khác (mộc dân dụng, cưa xẻ gỗ...). Mỗi năm các cơ sở phát sinh bình quân 25.000 m³/năm phụ phẩm, tương đương 10.000 - 12.000 tấn phế phẩm sau chế biến gỗ như mùn cưa, phôi bào, củi nhỏ... Các phế phẩm này hầu hết được thu gom tái sử dụng làm nhiên liệu đốt sấy gỗ, lò hơi, vật liệu làm hương..., phần còn lại được sử dụng làm nhiên liệu sinh hoạt cho các hộ gia đình do vậy không gây ảnh hưởng quá lớn đến môi trường.

- Cháy rừng: Từ năm 2020 đến nay, trên địa bàn tỉnh xảy ra 20 vụ cháy rừng, thiệt hại hàng chục héct-a diện tích rừng. Tuy nhiên, tác động của cháy rừng trong thời gian qua là không đáng kể đến môi trường.

- Các loại chất thải khác: phần bị cắt tia của cây lấy gỗ, lá cây, vỏ cây... từ hoạt động khai thác. Về cơ bản, các loại chất hữu cơ xanh được thu gom, đốt để bổ sung chất dinh dưỡng cho đất tiếp tục trồng nên không gây nguy hại đến môi trường.

1.4. Thủy sản:

Theo kết quả quan trắc môi trường vùng nuôi tôm của Trung tâm quan trắc môi trường và bệnh thủy sản Miền Bắc trong giai đoạn 2020-2023 tại tỉnh Hà Tĩnh với các chỉ tiêu kiểm tra: pH, độ mặn, nhiệt độ, oxy hòa tan, độ kiềm, nhu cầu oxy hóa học (COD), nhu cầu oxy sinh học (BOD), tổng chất rắn lơ lửng, Sulfide, hàm lượng Ammonia, hàm lượng Phosphate (P-PO4³⁻), hàm lượng Nitrite (N-NO₂⁻), hàm lượng kim loại nặng, hàm lượng thuốc bảo vệ thực vật, mật độ Vibrio tổng số, mật độ Coliform tổng số,... Nhìn chung giá trị giới hạn trung bình các chỉ tiêu được kiểm tra đều phù hợp cho nguồn nước cấp vào vùng nuôi tôm nước lợ theo Quy chuẩn Việt Nam: QCVN 02-19:2014/BNNPTNT và QCVN 10-MT:2015/BTNMT quy định giá trị giới hạn cho vùng nuôi trồng thủy sản, bảo tồn thủy sinh. Các thông số kiểm tra nằm ngoài giới hạn cho phép bắt gặp với tần suất thấp và không thường xuyên.

1.5. Làng nghề:

Hoạt động sản xuất, kinh doanh của các làng nghề đã góp phần tích cực trong chuyên dịch cơ cấu lao động, cơ cấu kinh tế nông thôn, xây dựng nông thôn mới, tạo việc, nâng cao thu nhập cho lao động nông thôn, góp phần xóa đói giảm nghèo. Bên cạnh đó, quy mô, hoạt động sản xuất làng nghề vẫn còn nhỏ lẻ, manh mún, chủ yếu quy mô hộ gia đình, sản phẩm của các làng nghề chưa phong phú, chất lượng chưa đồng đều, khả năng cạnh tranh thấp; công tác đào tạo, truyền nghề chưa hiệu quả, chưa phát huy được vai trò của các nghệ nhân, thợ giỏi trong đào tạo; chất lượng lao động chưa cao, chủ yếu là lao động phổ thông. Một số hộ làm nghề mộc, bún bánh trong khu dân cư tiềm ẩn gây ảnh hưởng tới đời sống, sức khỏe của hộ làm nghề cũng như người dân xung quanh khu vực làng nghề.

III. CÔNG TÁC QUẢN LÝ VÀ GIẢI PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG NÔNG THÔN TẠI ĐỊA PHƯƠNG ĐẾN NĂM 2023

1.1. Trồng trọt và bảo vệ thực vật:

- Về tuyên truyền: Tổ chức giới thiệu, tuyên truyền những nội dung cơ bản về phòng chống thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu, bảo vệ môi trường trong trồng trọt bằng các hình thức phù hợp với điều kiện, tình hình thực tế của địa phương và từng đối tượng, từng địa bàn; phối hợp với các cơ quan báo chí, đài phát thanh và truyền hình tổ chức thực hiện các chương trình, tin, bài để phổ biến rộng rãi.

- Tiếp tục ứng dụng các giải pháp kỹ thuật trong sản xuất trồng trọt để bảo vệ môi trường.

- Phối hợp với UBND các huyện, thành phố, thị xã tăng cường công tác thông tin tuyên truyền, hướng dẫn việc thu gom, vận chuyển và xử lý bao gói thuốc Bảo vệ thực vật sau sử dụng. Việc tập huấn hướng dẫn thu gom, vận chuyển và xử lý bao gói thuốc Bảo vệ thực vật sau sử dụng được lồng ghép với các chương trình tập huấn khác.

- Đối với bao bì phân bón hóa học: Sử dụng thuốc đúng chủng loại, liều lượng và thời điểm, sau khi sử dụng bà con cần thu gom bao bì về các vị trí được quy định của địa phương, tuyệt đối không được vất bừa bãi trên đồng ruộng. Các địa phương cần có các quy định địa điểm thu gom và định kỳ thu gom đưa đi xử lý theo quy định.

- Đối với rơm rạ và chất thải sau trồng trọt: Tiến hành sản xuất phân bón hữu cơ từ chất thải trồng trọt. Rơm rạ, thân xác cây trồng sau thu hoạch cần được thu gom gọn gàng, tuyệt đối không đốt bừa bãi trên đồng ruộng để tránh phát sinh khói bụi, gây ô nhiễm môi trường, giảm tầm nhìn của người tham gia giao thông. Các vùng canh tác lúa ngập nước, sau khi thu hoạch cần hạn chế cây vùi ngay để hạn chế phân hủy yếm khí gây phát thải khí metan, làm nghẹt rễ lúa và ô nhiễm môi trường. Sau khi thu hoạch, bà con nông dân cần thu gom tập trung chất thải để làm nguyên liệu trong sản xuất phân bón hữu cơ sinh học, than sinh học để sử dụng bón cho các vụ gieo trồng tiếp theo.

1.2. Chăn nuôi và thú y:

- Chỉ đạo, hướng dẫn tổ chức sản xuất chăn nuôi tuân thủ nghiêm các điều kiện trong hoạt động chăn nuôi theo Luật Chăn nuôi. Triển khai thực hiện các đề

án, kế hoạch, chính sách phát triển chăn nuôi, gắn với bảo vệ môi trường: Thời gian qua, chăn nuôi lợn quy mô vừa và nhỏ đã và đang từng bước được tổ chức lại theo hướng có kiểm soát, chú trọng công tác phòng, chống dịch bệnh, bảo vệ môi trường; chỉ khuyến khích phát triển tại những nơi đảm bảo điều kiện.

- Thực hiện chuyển đổi cơ cấu vật nuôi, linh hoạt theo hướng phát triển các đối tượng có hiệu quả, ít gây ô nhiễm môi trường như bò, gia cầm, hươu (một số mô hình chuyển đổi ở Cẩm Xuyên chuyển sang nuôi gia cầm, nuôi lợn ...; nuôi thỏ, dê ở Hương Sơn ...).

- Kịp thời tham mưu UBND tỉnh các văn bản tăng cường công tác quản lý hoạt động chăn nuôi, phòng, chống dịch bệnh, trong đó yêu cầu tăng cường quản lý, kiểm tra, giám sát công tác bảo vệ môi trường, hệ thống xử lý chất thải trong chăn nuôi.

- Triển khai xây dựng khu vực cấm chăn nuôi: Tất cả các địa phương đã rà soát; riêng đối với thành phố Hà Tĩnh đã phối hợp với Sở Nông nghiệp và PTNT rà soát, đánh giá thực trạng, xây dựng các phương án, lấy ý kiến dân từng người dân, từng tổ dân phố để quy định khu vực nội thành thành phố không được phép chăn nuôi. Tuy nhiên, hiện nay ở các thị trấn và các phường ven đô thuộc Thành phố, thị xã đang có diện tích đất sản xuất nông nghiệp khá lớn, số hộ chăn nuôi nhiều, đang là sinh kế của người dân, trong đó một số đối tượng nuôi như trâu, bò đang được nuôi kiêm dụng vừa để nuôi giết thịt vừa để phục vụ cày kéo nên thực hiện còn gặp nhiều khó khăn.

- Thực hiện các đợt kiểm tra điều kiện cơ sở chăn nuôi, xử lý chất thải chăn nuôi tại các trang trại; hướng dẫn các cơ sở chăn nuôi thực hiện đầy đủ hồ sơ, thủ tục theo quy định, kịp thời khắc phục các hạng mục công trình bảo vệ môi trường đảm bảo vận hành theo theo ĐTM hoặc Kế hoạch bảo vệ môi trường đã được phê duyệt. Thực hiện kiểm tra, đánh giá, cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện chăn nuôi trang trại quy mô lớn theo quy định Luật Chăn nuôi.

1.3. Lâm nghiệp:

- Thực hiện nghiêm các quy định của pháp luật về công tác bảo vệ môi trường nông nghiệp, nông thôn.

- Công tác thanh, kiểm tra, phối hợp với chính quyền địa phương và các bên có liên quan trong công tác bảo vệ môi trường đã được thực hiện, tuy nhiên việc phối hợp chưa thường xuyên, hiệu quả còn hạn chế. Đối với lĩnh vực lâm nghiệp, hàng năm đã tổ chức thanh tra, kiểm tra việc chấp hành pháp luật về quản lý, bảo vệ và phát triển rừng, bảo tồn đa dạng sinh học trên địa bàn nhằm kịp thời phát hiện, ngăn chặn, xử lý kịp thời các hành vi vi phạm pháp luật về lâm nghiệp, góp phần bảo vệ môi trường.

1.4. Thủy sản:

- Tăng cường công tác tuyên truyền, hướng dẫn, nâng cao ý thức chấp hành pháp luật về bảo vệ môi trường đối với các cơ sở nuôi trồng thủy sản.

- Tăng cường công tác chỉ đạo các cơ sở nuôi trồng thủy sản thực hiện các chương trình giám sát, quan trắc môi trường định kỳ, cảnh báo môi trường ở các

vùng nuôi tập trung, vùng cửa sông, ven biển để kịp thời phát hiện, xử lý tình trạng ô nhiễm môi trường (nếu có). Ngoài ra, tăng cường công tác kiểm tra, hướng dẫn kỹ thuật nuôi trồng, bảo vệ môi trường, phòng tránh ô nhiễm môi trường đối với các tổ chức, cá nhân có hoạt động nuôi trồng thủy sản.

- Hướng dẫn hỗ trợ người dân, doanh nghiệp ứng dụng tiến bộ khoa học vào sản xuất, nuôi thâm canh, nuôi an toàn sinh học, sử dụng công nghệ nuôi tiết kiệm nước, hạn chế xả thải, đảm bảo an toàn sinh học và bảo vệ môi trường.

- Phân công cán bộ trực tiếp quản lý địa bàn, thường xuyên bám sát cơ sở, phối hợp với các địa phương hướng dẫn quy trình nuôi, quản lý môi trường ao nuôi và phòng chống dịch bệnh.

1.5. Làng nghề:

Để tạo điều kiện phát triển làng nghề, Hà Tĩnh đã quy hoạch 08 CCN để phát triển làng nghề truyền thống, gồm: CCN Thái Yên để phát triển nghề mộc; CCN Trường Sơn để phát triển nghề đóng thuyền; CCN Trung Lương phát triển nghề rèn, đúc; CCN Yên Huy phát triển nghề mộc; CCN Thạch Kim, CCN Cẩm Nhượng và CCN Kỳ Ninh phát triển nghề chế biến thủy, hải sản. Một số CCN đã đi vào hoạt động hiệu quả như: CCN Thái Yên, huyện Đức Thọ; CCN Thạch Kim, huyện Lộc Hà, CCN Thạch Đồng, thành phố Hà Tĩnh. Ngoài ra, để đảm bảo các quy định về môi trường sản xuất, chính sách theo Nghị quyết số 51/2021/NQ-HĐND tỉnh có nội dung hỗ trợ di dời các cơ sở ngành nghề nông thôn ra khỏi khu dân cư đến các khu, cụm công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp hoặc vùng sản xuất ngành nghề nông thôn.

IV. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

- Đề nghị các cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành, các đơn vị chức năng ở các địa hương cần làm tốt công tác tham mưu cho cấp ủy, chính quyền các cấp tăng cường công tác quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường như rà soát các quy định hiện hành để bổ sung, sửa đổi, khắc phục các thiếu sót, tồn tại, bất cập trong bảo vệ môi trường nông nghiệp, nông thôn trên cơ sở các quy định của Bộ/ngành.

- Đề nghị Bộ Tài nguyên và Môi trường, Chính phủ có dự án hỗ trợ phát triển các dự án nuôi trồng thủy sản ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ, dự án xử lý, cải tạo môi trường nhằm hạn chế nguồn ô nhiễm từ các hoạt động sản xuất khác ảnh hưởng đến hoạt động nuôi trồng thủy sản.

- Có các biện pháp quản lý chặt chẽ hơn nguồn phát thải ô nhiễm từ hoạt động sản xuất công nghiệp, nước thải từ các khu dân cư để giảm thiểu ô nhiễm nguồn nước phục vụ hoạt động sản xuất nuôi trồng thủy sản.

- Hoàn thiện các TCVN, QCVN về xử lý chất thải chăn nuôi phù hợp với tình hình thực tế.

- Có các chính sách, chương trình hỗ trợ các cơ sở chăn nuôi ứng dụng các tiến bộ kỹ thuật, công nghệ mới trong xử lý chất thải chăn nuôi, phụ phẩm nông nghiệp./.

SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT